



lì shuǐ

沥水

verb · to drain water

Example Sentences

bǎ cài fàng zài lán zi lǐ lì shuǐ

把菜放在篮子里沥水。

Put the vegetables in the basket to drain water.

zhǔ hǎo de miàn tiáo yào lì shuǐ cái néng bàn jiàng

煮好的面条要沥水才能拌酱。

The cooked noodles need to be drained before mixing with sauce.

zhè ge lǜ wǎng kě yǐ yòng lái lì shuǐ

这个滤网可以用来沥水。

This strainer can be used to drain water.

Trace each character, then write the word on your own.

沥 沥 沥 沥 沥 沥 沥 沥 沥 沥

水 水 水 水 水 水 水